

KẾ HOẠCH
Khoa học và Công nghệ, Chuyển đổi số xã Vĩnh Hải năm 2026

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2025 của Bộ Chính trị;

Căn cứ Kế hoạch số 359/KH-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về chuyển đổi số thành phố Hải Phòng năm 2026, Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 28/10/2025 của UBND xã Vĩnh Hải về Thực hiện Kế hoạch số 238/KH-UBND của UBND thành phố, Kế hoạch hành động số 08a-KH/ĐU ngày 06/10/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về thực hiện Kế hoạch hành động số 12-KH/TU của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hải xây dựng Kế hoạch khoa học và công nghệ, Chuyển đổi số năm 2026 với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và cải cách hành chính nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, phục vụ phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh.

- Tăng cường quản lý, xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất về hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển đổi số năm 2026.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành; tổ chức triển khai hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW theo yêu cầu “06 rõ”; cập nhật, ứng dụng tiến bộ khoa học – công nghệ phục vụ sản xuất và phát triển kinh tế – xã hội tại địa phương.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức và Nhân dân thực hiện chuyển đổi số, số hóa thủ tục hành chính; gắn với xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, phát triển bền vững, đồng bộ, văn minh.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

Các chỉ tiêu tổng hợp từ Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số; Khung Kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030 theo Công văn số 8177/BKHCNCĐSQG ngày 30/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ; Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 28/10/2025 của UBND xã Vĩnh Hải về Thực hiện Kế hoạch số 238/KH-UBND của UBND thành phố, Kế hoạch hành động số

08a-KH/ĐU ngày 06/10/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về thực hiện Kế hoạch hành động số 12-KH/TU của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu năm 2026
I	Phát triển hạ tầng	
1	- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn xã	$\geq 60\%$
2	- Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s	≥ 60
II	Phát triển chuyển đổi số	
3	- Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.	100%
4	- Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.	100%
5	- Tỷ lệ nhiệm vụ thành phố giao cho các phòng, ban, đơn vị được theo dõi, giám sát, đánh giá trên môi trường điện tử.	100%
6	- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.	100%
7	- Tỷ lệ thủ tục hành chính nội bộ trong từng cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử.	100%
8	- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ.	100%
9	- Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.	$\geq 95\%$
10	- Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến..	100%
11	- Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.	$\geq 80\%$
12	- Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	$\geq 90\%$
13	- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	$\geq 90\%$
14	- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.	$\geq 80\%$
15	- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	$\geq 95\%$
16	- Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).	$\geq 80\%$

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, chuyển đổi số

1.1 Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

- Nâng cao vai trò của Ban Chỉ đạo và người đứng đầu trong triển khai chủ trương, chính sách về khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

- Gắn kết quả thực hiện chuyển đổi số với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân.

- Tăng cường phối hợp liên ngành, chia sẻ dữ liệu, bảo đảm đồng bộ, thống nhất; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

- Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, nhân rộng mô hình hiệu quả.

- Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức và Nhân dân về chuyển đổi số.

1.2 Thể chế, chính sách số

- Triển khai các chính sách hỗ trợ nhân lực chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng.

- Xây dựng, triển khai chính sách hỗ trợ Đội phản ứng nhanh, Tổ công nghệ số cộng đồng; thúc đẩy chương trình “Bình dân học vụ số”, hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến.

1.3 Hạ tầng số

Phát triển hạ tầng viễn thông, dữ liệu, trung tâm điều hành thông minh, nền tảng dùng chung.

- Hoàn thiện hệ thống hội nghị trực tuyến, kho dữ liệu dùng chung.

- Nâng cấp hạ tầng mạng, bảo đảm an toàn thông tin, phục vụ hoạt động cơ quan và Trung tâm phục vụ hành chính công.

1.4 Nhân lực số

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức, Tổ công nghệ số cộng đồng, Đội phản ứng nhanh

1.5 Phát triển dữ liệu số

- Xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu theo chiến lược dữ liệu.

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu liên thông giữa địa phương và Trung ương phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính.

1.6 An toàn thông tin mạng

- Xây dựng hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng.

- Triển khai bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình “4 lớp”, 100% hệ thống thông tin được phê duyệt và thực hiện phương án bảo đảm an toàn theo cấp độ.

- Tổ chức diễn tập an toàn thông tin; xây dựng phương án ứng cứu, phục hồi hệ thống; thực hiện sao lưu dữ liệu theo nguyên tắc 3-2-1.

1.7 Chính quyền số

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến; số hóa, tái cấu trúc quy trình TTHC; khai thác dữ liệu số dùng chung.
- Phát triển các hệ thống quản trị, điều hành dựa trên dữ liệu số; triển khai nền tảng quản trị số.
- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo trong quản lý, điều hành và hỗ trợ cán bộ, công chức.

1.8 Kinh tế số, xã hội số

- Phổ cập định danh số, thanh toán điện tử, chữ ký số, hóa đơn điện tử.
- Hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh chuyên đổi số; phát triển thương mại điện tử, chuỗi cung ứng số.
- Triển khai đo lường kinh tế số; thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

2. Hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển đổi số của xã năm 2026

2.1 Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Tổ chức Hội đồng đánh giá mức độ áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến.

2.2 Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

- Duy trì, cải tiến và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015.
- Phối hợp thanh tra, kiểm tra hoạt động đo lường, chất lượng; kiểm tra liên ngành các lĩnh vực kinh doanh thiết yếu.

2.3 Phối hợp kiểm tra khoa học và công nghệ

Phối hợp kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về khoa học và công nghệ theo quy định.

2.4 Thông tin, tuyên truyền, thống kê Khoa học Công nghệ, chuyển đổi số

- Duy trì hệ thống thông tin, lưu trữ, báo cáo định kỳ, đột xuất.
- Tăng cường tuyên truyền khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trên các kênh thông tin của xã.

2.5 Nâng cao năng lực cán bộ Khoa học Công nghệ, chuyển đổi số

Tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý Khoa học Công nghệ, chuyển đổi số và ISO.

2. Triển khai các nhiệm vụ Khoa học và công nghệ, chuyển đổi số năm 2026

(Gửi kèm Bảng phụ lục chi tiết nhiệm vụ Khoa học và công nghệ, chuyển đổi số năm 2026)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội đồng Khoa học và Công nghệ xã

- Hội đồng đánh giá hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của các tổ chức cá nhân có sáng kiến kinh nghiệm năm 2026 trên địa bàn xã thuộc các lĩnh vực.

2. Phòng Văn hóa – xã hội xã

- Chủ trì tham mưu giúp Ủy ban nhân dân xã phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thành phố triển khai thực hiện các nội dung tại Kế hoạch.

- Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện nội dung tại Kế hoạch này. Tổng hợp, xây dựng báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định.

3. Phòng Kinh tế xã

- Tham mưu Ủy ban nhân dân xã hướng dẫn các đơn vị thực hiện kinh phí đúng mục đích theo quy định hiện hành.

4. Trung tâm Phục vụ hành chính công xã

- Tham mưu Ủy ban nhân dân xã lĩnh vực quản lý, lĩnh vực trên cổng thông tin điện tử quốc gia.

5. Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công xã

Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân xã về khoa học và công nghệ lĩnh vực Nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản, phát triển kinh tế hộ gia đình trên địa bàn xã đảm bảo đột phá, phát triển toàn diện hiệu quả mang lại niềm tin của nhân dân trong thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Trên đây là Kế hoạch khoa học và công nghệ, chuyển đổi số của xã Vĩnh Hải. Yêu cầu các phòng, ban, cơ quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ nội dung Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học & Công nghệ (để báo cáo);
- TT Đảng Ủy, TT HĐND xã (để báo cáo);
- CT, các PCT UBND xã;
- Các phòng, cơ quan, đơn vị;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Thị Hậu

PHỤ LỤC
CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ,
CHUYỂN ĐỔI SỐ XÃ VĨNH HẢI NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /01/2026 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hải)

STT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	Thời gian thực hiện/	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm
I	XÂY DỰNG CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO				
1	Xây dựng Kế hoạch của UBND xã về Khoa học công nghệ, Chuyển đổi số trên địa bàn xã năm 2026; triển khai các văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số	Trong tháng 01/2026	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các đơn vị liên quan	Kế hoạch và các văn bản chỉ đạo
2	Triển khai Kế hoạch Khoa học công nghệ, Chuyển đổi số của UBND xã	Trong tháng 01/2026	Các cơ quan, đơn vị	Các đơn vị liên quan	- Báo cáo kết quả thực hiện trước ngày 20/11/2026
II	NHẬN THỨC SỐ				
1	Tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP; duy trì chuyên mục Khoa học công nghệ, Chuyển đổi số trên truyền thanh, Trang thông tin điện tử, mạng xã hội; tuyên truyền tại thôn, khu dân cư	Thường xuyên	Phòng Văn hóa - Xã hội; Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công	Văn phòng HĐND&UBND, các thôn, đoàn thể	Tin/bài tuyên truyền; tài liệu; báo cáo kết quả

STT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	Thời gian thực hiện/	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm
2	Phát động phong trào “học tập số”, tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân (lồng ghép Đề án 06, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số)	Thường xuyên	Phòng Văn hóa - Xã hội	Tổ Công nghệ số cộng đồng, Đoàn thể xã, Công an xã	Kế hoạch/tài liệu; danh sách tham gia; báo cáo
III	THÊ CHẾ SỐ				
1	Cụ thể hóa nhiệm vụ CDS theo nguyên tắc “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả”; lồng ghép CDS vào thi đua, đánh giá người đứng đầu	Quý I/2026 và duy trì	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng chuyên môn	Báo cáo
2	Rà soát, đề xuất đơn giản hóa TTHC; tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến; kiến nghị tháo gỡ vướng mắc vượt thẩm quyền	Thường xuyên	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các phòng chuyên môn	Báo cáo
IV	HẠ TẦNG SỐ				
1	Phối hợp doanh nghiệp viễn thông nâng cao chất lượng mạng; giảm “vùng lùm”, duy trì kết nối ổn định tại trụ sở và khu dân cư	Quý I - Quý IV	Phòng Văn hóa - Xã hội	Doanh nghiệp viễn thông, thôn	Báo cáo
2	Rà soát, nâng cấp hạ tầng CNTT tại UBND xã và Trung tâm Phục vụ hành chính công; bảo đảm đáp ứng yêu cầu CDS và Đề án 06/CP	Quý I - Quý IV	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng chuyên môn; Công an xã	Danh mục trang thiết bị; biên bản nghiệm thu; báo cáo

STT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	Thời gian thực hiện/	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm
V	CHÍNH QUYỀN SỐ, DỮ LIỆU SỐ, NỀN TẢNG SỐ				
1	Chuẩn hóa, số hóa quy trình xử lý công việc; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử; tăng giao dịch trực tuyến	Thường xuyên	Trung tâm Phục vụ hành chính công; Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng chuyên môn	Báo cáo
2	Khai thác dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC; cập nhật dữ liệu nền; kết nối, chia sẻ dữ liệu theo hướng dẫn của thành phố	Thường xuyên	Công an xã; Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các phòng chuyên môn	Báo cáo
3	Từng bước triển khai trợ lý ảo/AI hỗ trợ tra cứu thủ tục, tổng hợp báo cáo, phục vụ cán bộ và người dân (an toàn, có kiểm soát)	Thường xuyên	Trung tâm Phục vụ hành chính công; Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng chuyên môn	Báo cáo
VIII	NHÂN LỰC SỐ				
	Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số, quản trị dữ liệu, ATTT cho cán bộ, công chức; duy trì hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng hỗ trợ người dân	Thường xuyên	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng chuyên môn, các đoàn thể, Tổ Công nghệ số cộng đồng	Danh sách/giấy chứng nhận; báo cáo hoạt động

	Tập huấn kỹ năng số cho người dân thông qua Tổ Công nghệ số cộng đồng (hướng dẫn DVCTT, thanh toán số...)	Thường xuyên	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng chuyên môn, các đoàn thể, Tổ Công nghệ số cộng đồng	Báo cáo
IX	AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG				
	Bảo đảm an toàn thông tin: quản lý tài khoản, phân quyền; sao lưu dữ liệu; cập nhật phần mềm bảo mật; tuyên truyền phòng chống lừa đảo	Thường xuyên	Công an xã	Các phòng chuyên môn, đơn vị liên quan	Báo cáo
X	KINH TẾ SỐ				
1	Hỗ trợ hộ kinh doanh/HTX/doanh nghiệp đưa sản phẩm lên sàn TMĐT, thanh toán số. Đẩy mạnh truyền thông và kết nối tiêu thụ nông sản qua kênh số	Thường xuyên	Phòng Kinh tế	Các phòng chuyên môn, đơn vị liên quan	Báo cáo
XI	XÃ HỘI SỐ				
1	Tuyên truyền, phổ biến CDS, ứng dụng số, kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp trên hệ thống TTCS, Trang TTĐT, mạng xã hội	Thường xuyên	Văn phòng HĐND&UBND; Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công	Phòng Văn hóa - Xã hội;	Báo cáo
2	Phổ cập kỹ năng số – công dân số – văn hóa số, lồng ghép nội dung AI cơ bản và khuyến khích sử dụng nền tảng học trực tuyến mở	Thường xuyên	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng chuyên môn, đơn vị liên quan	Báo cáo
3	Hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ số thiết yếu, trọng tâm dịch vụ công trực tuyến, y tế, giáo dục, thương mại	Thường xuyên	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng chuyên môn, các đoàn thể, Tổ Công nghệ số cộng đồng	Báo cáo

STT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	Thời gian thực hiện/	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm
4	Thúc đẩy thanh toán điện tử/không dùng tiền mặt và triển khai giải pháp thương mại điện tử kết nối tiêu dùng – sản xuất – phân phối	Thường xuyên	Phòng Kinh tế	Phòng Văn hóa - Xã hội; Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công; đơn vị liên quan	Báo cáo
XII	CHUYỂN ĐỔI SỐ CÁC LĨNH VỰC THIẾT YẾU (Y TẾ, GIÁO DỤC, ANTT)				
1	Ứng dụng số trong các lĩnh vực thiết yếu: y tế (hồ sơ sức khỏe điện tử), giáo dục (phần mềm quản lý), ANTT (VNeID, camera) theo hướng dẫn cấp trên	Thường xuyên	Trạm Y tế; các trường; Công an xã	Các phòng chuyên môn, đơn vị liên quan	Báo cáo
XIII	THEO DÕI, KIỂM TRA, GIÁM SÁT				
1	Theo dõi tiến độ, đôn đốc, kiểm tra các nhiệm vụ CDS theo kế hoạch	Thường xuyên	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng chuyên môn, đơn vị liên quan	Báo cáo
2	Báo cáo kết quả thực hiện CDS năm 2026	Quý IV/2026	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng chuyên môn, đơn vị liên quan	Báo cáo